

CƠ CHẾ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI*

★ PGS, TS LÊ VĂN TRUNG

*Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Hiệp định thương mại tự do - free trade agreement (FTA) thế hệ mới được nhiều quốc gia lựa chọn trong quá trình hợp tác đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới bởi những lợi ích đem lại trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó bao hàm cả cơ chế bảo đảm quyền con người ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, việc ký kết và gia nhập các FTA thế hệ mới cũng có những trở ngại nhất định trong việc bảo đảm quyền con người. Bài viết khái quát về cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới thông qua việc mô tả thiết chế và thể chế được thiết lập cho quá trình thực thi các điều khoản nhằm bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới, đồng thời chỉ ra một số ưu điểm cũng như hạn chế của cơ chế này.
- **Từ khóa:** cơ chế bảo đảm quyền con người, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Có thể thấy, từ rất sớm, các hiệp định quốc tế, bao gồm cả hiệp định về thương mại hay hợp tác và viện trợ phát triển thường gắn liền với các điều khoản về quyền con người. Ban đầu, các điều khoản này trong các FTA giữa EU với các đối tác được đưa ra nhằm thiết lập một cơ chế pháp lý cho phép EU đình chỉ nghĩa vụ theo các thỏa thuận quốc tế trong các tình huống vi phạm nghiêm trọng về quyền con người. Sau này, các điều khoản về quyền con người được xây dựng nhằm đưa vấn đề quyền con người trở thành

đối tượng của các cơ chế đối thoại và hợp tác chính trị, từ đó tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp hạn chế thương mại tương ứng với mức độ nghiêm trọng của các vi phạm quyền con người⁽¹⁾. Để các điều khoản bảo đảm quyền con người được thực thi trên thực tế, các FTA thế hệ mới⁽²⁾ đã xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện các điều khoản này.

Trên lĩnh vực quyền con người, trong các tài liệu chuyên môn, cụm từ “cơ chế của Liên Hợp quốc về quyền con người” (*United Nations human rights mechanism*) được sử dụng để chỉ

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp bộ: *Bảo đảm quyền con người trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới - Những vấn đề lý luận và pháp lý đối với Việt Nam hiện nay*, do PGS, TS Lê Văn Trung làm Chủ nhiệm, Học viện Chính trị quốc gia là cơ quan chủ trì.

bộ máy các cơ quan chuyên trách và hệ thống các quy tắc, thủ tục có liên quan do Liên Hợp Quốc thiết lập để thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người. Theo đó, đề cập đến cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới là đề cập đến các thiết chế (các cơ quan, tổ chức) và thể chế (các nguyên tắc, trình tự, thủ tục) được các quốc gia thành viên của FTA thiết lập nhằm thực thi các điều khoản bảo đảm quyền con người được quy định trong các FTA.

1. Các thiết chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới

Mặc dù cấu trúc của các thiết chế bảo đảm quyền con người trong mỗi FTA thế hệ mới có thể thay đổi tùy theo thỏa thuận, tùy thuộc vào kết quả của các cuộc đàm phán, tuy nhiên các thiết chế này thường bao gồm: i) một “Ủy ban cấp cao” (chịu trách nhiệm giám sát thực hiện các chương liên quan đến thương mại, lao động và phát triển bền vững); ii) một số ủy ban chuyên trách; và iii) các nhóm cố vấn là các “Diễn đàn xã hội dân sự” (để tạo điều kiện đối thoại về các vấn đề lao động và phát triển bền vững). Trong đó, các thành viên của diễn đàn này bao gồm “các nhóm tư vấn trong nước” để thực hiện cơ chế tham vấn. Các nhóm tư vấn trong nước sẽ do mỗi bên thành lập với mục đích thu thập quan điểm, ý kiến đánh giá cũng như đưa ra những khuyến nghị trong phạm vi quyền hạn của mình. Các nhóm này thường được tạo thành từ đại diện các doanh nghiệp, công đoàn và các tổ chức xã hội dân sự⁽³⁾.

Chẳng hạn, tất cả các hiệp định kể từ FTA giữa EU với Hàn Quốc đều có định dạng ba bên, trong đó có: i) Các ủy ban gồm các quan chức nhà nước của hai bên được thành lập để giám sát việc thực hiện các cam kết về quyền con người; ii) Các nhóm tư vấn trong nước (DAG) bao gồm đại diện của doanh nghiệp, công đoàn, tổ chức phi chính

phủ (NGO) và đôi khi là giới học thuật; iii) Một hội đồng chuyên gia điều tra các khiếu nại do các bên đưa ra⁽⁴⁾. Cụ thể, trong FTA giữa EU và Hàn Quốc, quy định lập ra một Ủy ban về Thương mại và Phát triển bền vững bao gồm các thành viên của Ủy ban EU và của Chính phủ Hàn Quốc và các nhóm tư vấn trong nước, bao gồm các đại diện của xã hội dân sự. Thành viên của các nhóm tư vấn trong nước bao gồm các thành viên của liên đoàn lao động, tổ chức môi trường, tổ chức doanh nghiệp cũng như các bên liên quan khác. Các nhóm tư vấn này sẽ thực hiện nhiệm vụ tư vấn về việc thực hiện các điều khoản. Theo một điều khoản hợp tác chung được quy định trong FTA này, các bên cam kết mở đối thoại trên danh sách 13 chủ đề liên quan đến các hoạt động hợp tác về đánh giá tác động đối với quyền lao động của quá trình tự do hóa, về các khía cạnh liên quan đến thương mại của chương trình nghị sự ILO và hợp tác ở cấp độ đa phương trong WTO và ILO. Theo thỏa thuận chung, đại diện của các bên sẽ gặp nhau thường xuyên để thảo luận về việc thực hiện chương về lao động và phát triển bền vững⁽⁵⁾. Như vậy, thay vì chỉ sử dụng các báo cáo chính thức của Liên hợp quốc hay của ILO như trong thiết chế của WTO thì các FTA thế hệ mới thiết lập thiết chế để sử dụng đến sự tư vấn giám sát và khả năng phân xử độc lập khách quan của các nhóm chuyên gia, mặc dù việc sử dụng cơ chế này là không thường xuyên⁽⁶⁾.

2. Thể chế bảo đảm quyền con người trong FTA thế hệ mới

Thể chế bao gồm các quy định cho sự vận hành của các thiết chế bảo đảm quyền con người và các điều khoản thực thi các cam kết về quyền con người. Thông thường, các điều khoản bảo đảm cho quá trình thực thi các quy định về quyền con người trong các FTA thế hệ mới được chia thành ba nhóm cơ bản như sau:

(1) *Nhóm những điều khoản thực thi mang tính chất điều kiện (conditional labour provisions)* là các điều khoản sử dụng các điều kiện để buộc các quốc gia tham gia phải thực hiện các cam kết. Trong trường hợp các quốc gia ký kết hiệp định không thực hiện cam kết của mình thì các quốc gia này có thể phải chịu hậu quả về kinh tế, dưới dạng phạt tiền hay trừng phạt thương mại. Loại hiệp định có điều kiện này thường được Mỹ và Canada sử dụng. Những điều khoản mang tính chất điều kiện thường đưa ra các tiêu chuẩn liên quan đến lao động, đến quyền con người và sử dụng các điều kiện để khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện, áp dụng các tiêu chuẩn đó. Một bên sẽ nhận được ưu đãi (*incentives*) nếu thực hiện đúng theo cam kết, trong một số trường hợp có thể bao gồm cả những lợi ích khác như việc hợp tác kỹ thuật nếu áp dụng quy chuẩn về lao động theo thỏa thuận. Ngược lại, trong trường hợp các quốc gia không áp dụng hay thực hiện các tiêu chuẩn được đề cập, bên còn lại sẽ áp dụng các biện pháp trừng phạt (*sanctions*).

(2) *Nhóm những điều khoản thực thi mang tính chất khuyến khích (promotional labour provisions)*. Các điều khoản này không gắn việc thực hiện điều khoản lao động (hay quyền con người) với hậu quả kinh tế mà đưa ra một khuôn khổ để các bên đối thoại, hợp tác và giám sát lẫn nhau nhằm cải thiện tiêu chuẩn, điều kiện lao động tại các quốc gia thành viên. Có thể thấy những điều khoản mang tính khuyến khích trong các hiệp định của Liên minh châu Âu (EU) với New Zealand hay các hiệp định Nam - Nam. Những điều khoản này thường thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động, các quyền con người thông qua việc tác động đến lợi ích hay giá trị kinh tế của mỗi quốc gia. Trong trường hợp quốc gia tuân thủ những tiêu chuẩn, biện pháp đã

được ghi nhận trong hiệp định, các quốc gia sẽ được hưởng những lợi ích kinh tế nhất định, ví dụ như tăng hạn ngạch xuất khẩu. Nhưng nếu các quốc gia vi phạm và không khắc phục được hiện trạng theo các điều khoản đã thỏa thuận, các quốc gia này sẽ phải đóng một khoản tiền (dưới hình thức đóng góp vào quỹ lao động). Các điều khoản mang tính khuyến khích có thể thực thi ở cả hai cấp độ là quốc gia và doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, hầu hết các FTA thế hệ mới đều có những điều khoản mang tính khuyến khích. Những điều khoản này chiếm khoảng 60% tổng số quy định về lao động trong những hiệp định cấm vận thương mại, cả trong quá khứ và hiện tại và là một trong những biện pháp được áp dụng để đối phó với các hành vi vi phạm quyền con người và các nguyên tắc dân chủ.

(3) *Nhóm các quy định liên quan đến cơ chế giải quyết tranh chấp* để giải quyết các vụ việc trong trường hợp hai bên có phát sinh các bất đồng. Khác với cơ chế giải quyết tranh chấp trong các Công ước của ILO, các FTA thế hệ mới cho phép các bên sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua các biện pháp đình chỉ hiệp định hoặc áp dụng các biện pháp trả đũa đối với bên kia. Biện pháp này sẽ có ba tác động tức thì đối với quyền lao động: *Thứ nhất*, nó sẽ chấm dứt một hình thức pháp luật ngoại lệ khá cực đoan chống lại quyền lao động trong luật thương mại quốc tế, theo đó có một khoảng cách rõ ràng giữa các công cụ thực thi của Công ước ILO và các công cụ để thực thi luật thương mại và quyền sở hữu trí tuệ. *Thứ hai*, nó cung cấp cho các bên tham gia thỏa thuận các công cụ pháp lý để thực thi các Công ước cốt lõi của ILO trong trường hợp không có sự hợp tác của bên kia. *Cuối cùng*, nó thiết lập một cơ chế thực thi hiệu quả các quyền lao động trong trường hợp một trong các quốc gia thành viên vẫn tiếp tục không tuân thủ phán

quyết của hội đồng trọng tài do thiếu tôn trọng Công ước ILO bằng việc tạm thời đình chỉ hiệp định thương mại tự do hoặc thiết lập các biện pháp trả đũa thương mại đối với nước kia.

Ngoài ba nhóm quy định thực thi nêu trên, một số FTA thế hệ mới có các quy định liên quan đến “quyền điều chỉnh”. Ví dụ trong Hiệp định thương mại giữa EU và Hàn Quốc có những điều khoản được các học giả cho là có vai trò làm suy yếu giá trị ràng buộc của phần còn lại của văn bản. Đây là những phần của điều khoản xác định “quyền điều chỉnh”. Các điều khoản được đưa vào không nhằm mục đích điều hòa các tiêu chuẩn lao động mà để xác định cách thức giải quyết vấn đề trong trường hợp có xung đột giữa bất kỳ phần nào của hiệp định thương mại tự do và một trong các Công ước của ILO được liệt kê trong điều khoản phát triển bền vững. Trong những trường hợp này, các quốc gia sẽ giải quyết theo hướng bảo đảm tự do hóa thương mại. Theo đó, các quyền lao động không được cản trở quá trình tự do hóa và các quốc gia vẫn được tự do xác định mức độ bảo hộ lao động của mình. Như vậy, các điều khoản điều chỉnh cung cấp một khoảng thời gian rộng rãi cho các quốc gia thành viên để họ thỏa thuận nhằm điều chỉnh luật lao động của mình, thậm chí bỏ qua các tham chiếu ràng buộc đối với Công ước ILO.

3. Ưu điểm và hạn chế của cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới

Có thể nhận thấy hai ưu điểm căn bản của cơ chế bảo đảm quyền con người trong FTA thế hệ mới như sau:

Thứ nhất, cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới đã thiết lập được cơ chế pháp lý rõ ràng cho việc thực thi các điều khoản về quyền con người, nhất là các điều khoản về lao động và môi trường. Mặc dù từ rất sớm, các hiệp định thương mại quốc tế thường

có các điều khoản về quyền con người, tuy nhiên các điều khoản này trong các hiệp định thương mại trước đây thường khó được bảo đảm thực thi trên thực tế do thiếu cơ chế pháp lý. Ngày nay, các FTA thế hệ mới đã tạo ra một cơ sở pháp lý vững chắc để các quyền con người có thể được thực thi trên thực tế. Có thể thấy các điều khoản về quyền con người trong các FTA giữa EU với các đối tác ban đầu được đưa ra nhằm thiết lập một cơ chế pháp lý cho phép EU đình chỉ nghĩa vụ theo các thỏa thuận quốc tế trong các tình huống vi phạm nghiêm trọng quyền con người. Nó bắt nguồn từ sự kiện diễn ra trong những năm 1970, khi EU muốn đình chỉ các khoản viện trợ phát triển của mình cho Uganda để đáp lại những hành động tàn bạo do chế độ độc tài gây ra, nhưng thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện điều đó. Sau này, trong các hiệp ước thương mại song phương và đa phương, EU luôn đưa ra các điều khoản về quyền con người để khẳng định cam kết của các bên và tầm quan trọng của những quyền này nhằm đạt được mục tiêu phát triển. Đồng thời nó cũng là cơ sở pháp lý để các bên có thể đưa các điều khoản về quyền con người vào thực thi trong thực tế. Có thể thấy các tham chiếu đầu tiên về quyền con người trong hiệp định của EU với các đối tác ở châu Phi, Caribe và Thái Bình Dương vào năm 1989 hay các thỏa thuận của EU với một số quốc gia Mỹ Latinh, Trung và Đông Âu được ký kết trong những năm hay các thỏa thuận vào năm 1992 với Brazil, các nước thuộc Hiệp ước Andean, các quốc gia vùng Baltic và Albania. Đến năm 1995, Cộng đồng châu Âu đã thiết lập một chính sách trong đó gắn các điều khoản liên quan đến quyền con người trong tất cả các hiệp định thương mại thế hệ mới của mình⁽⁷⁾.

Thứ hai, việc thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp trên lĩnh vực quyền con người giúp các

quốc gia thành viên hạn chế những điểm yếu trong cơ chế bảo vệ quyền con người trong các Công ước của ILO. Phần lớn các tiêu chuẩn về lao động và quyền con người trong các FTA thế hệ mới đều dẫn chiếu theo các Công ước cơ bản của ILO. Tuy nhiên, khác với WTO, nơi các cam kết ghi nhận trong các hiệp định thương mại có tính chất ràng buộc được bảo đảm thực thi bởi một cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc và biện pháp trả đũa thương mại giữa các nước thành viên, các quy định bảo vệ quyền lao động trong ILO không có cơ chế thực thi như vậy⁽⁸⁾. Do đó, nếu sử dụng cơ chế của ILO, trường hợp một trong các quốc gia thành viên vi phạm một trong các Công ước của ILO được đề cập trong các hiệp định thương mại tự do, lựa chọn khả thi duy nhất cho bên tư nhân bị ảnh hưởng là vận động chính phủ của mình bắt đầu một trong các cơ chế hợp tác chính trị thông qua đối thoại, đàm phán. Trong trường hợp không có sự bảo vệ trong nước, hiệp ước không cung cấp bất kỳ biện pháp bảo vệ pháp lý bổ sung nào để bảo đảm việc bảo vệ cá nhân khỏi vi phạm quyền lao động của họ cũng như nếu vi phạm liên quan đến các tiêu chuẩn lao động cốt lõi thì tốt nhất, các công ty, doanh nghiệp, tổ chức tư nhân có thể cố gắng thúc đẩy chính phủ của họ thành lập một Ủy ban gồm các chuyên gia giải quyết những vi phạm lao động. Tuy nhiên, ngay cả trong tình huống mà nhà nước sẵn sàng giải quyết vấn đề, điều này sẽ không vượt ra ngoài các công cụ ngoại giao và việc thực thi pháp luật sẽ là không thể. Do đó, cơ chế bảo vệ quyền lao động trong các Công ước của ILO được đánh giá có nhiều hạn chế. Thực tế thực thi các cam kết về quyền con người những năm qua cho thấy vẫn còn nhiều quốc gia thành viên vẫn tiếp tục không tuân thủ phán quyết của hội đồng trọng tài do thiếu tôn trọng Công ước ILO và do cơ chế

thực thi thiếu tính ràng buộc mạnh mẽ. Các công ước của ILO chủ yếu vẫn dựa trên sự tự nguyện thi hành của các bên. Do đó, tình trạng vi phạm về nhân quyền vẫn xảy ra ở một số quốc gia, ngay cả các quốc gia thành viên của Công ước. Vì vậy, việc gắn nghĩa vụ bảo đảm quyền con người với các quyền lợi về thương mại mà các FTA thế hệ mới tạo ra sẽ tạo ra động lực thúc đẩy các quốc gia thành viên tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về bảo đảm quyền con người⁽⁹⁾.

Mặc dù được đánh giá là có nhiều ưu điểm, nhưng cơ chế bảo đảm quyền con người trong FTA thế hệ mới vẫn bộc lộ một số hạn chế, đó là:

Thứ nhất, các cam kết trong các FTA thế hệ mới về nguyên tắc là những cam kết giữa các chính phủ, nhưng các cam kết này không tự thân tạo ra những quyền, cũng như nghĩa vụ pháp lý cho các thể nhân, pháp nhân và trên thực tế, rất ít các quốc gia thừa nhận các cam kết này có giá trị áp dụng trực tiếp. Điều này dẫn đến khả năng vận dụng những quy định chứa đựng trong các điều khoản bảo đảm quyền con người thường rất hạn chế⁽¹⁰⁾. Nghiên cứu của Meredith Kolsky Lewis (2014) cho thấy rằng “ngay cả khi các điều khoản về quyền con người trong các FTA hiện tại đang có những tác động tích cực, những thỏa thuận này không đến được với con người quan trọng nhất”⁽¹¹⁾.

Thứ hai, các thiết chế bảo đảm quyền con người được các FTA thế hệ mới thành lập thường hoạt động thiếu hiệu quả do các thiết chế này không phát huy vai trò của các tổ chức thành viên. Điều này liên quan đến việc thiếu các quy định rõ ràng cho sự hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự, đồng thời thiếu vắng cả các cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các thiết chế. Vai trò giám sát, đánh giá của các tổ chức xã hội dân sự trong

thiết chế bảo đảm quyền con người trong FTA thế hệ mới hiện được cho là thiếu rõ ràng. Mặc dù các nhà hoạch định chính sách thương mại của EU liên tục nhấn mạnh tầm quan trọng của các cơ chế giám sát, họ coi việc thiết lập cơ chế giám sát với sự tham gia của các tổ chức thuộc xã hội dân sự như một phương tiện thu thập thông tin, tuy nhiên vai trò này của các tổ chức giám sát không được diễn tả rõ ràng trong các FTA thế hệ mới. Các hiệp định này thường chỉ đề cập một cách khá mơ hồ về vai trò của các nhóm tư vấn trong nước như là một tổ chức cung cấp “quan điểm” và “lời khuyên” tạo điều kiện cho việc “đối thoại”.

Thứ ba, các điều khoản trong FTA thế hệ mới cũng cho phép tạo ra sự linh hoạt cần thiết để các bên điều chỉnh phản ứng của họ cho phù hợp với điều kiện địa phương, nhưng việc làm này có thể dẫn đến sự mâu thuẫn trong cách tiếp cận giữa các đối tác thương mại khác nhau hoặc dẫn đến sự không hành động. Do đó, hiệu quả của các cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới dễ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính phủ và các ưu tiên chính trị⁽¹²⁾. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh mỗi quốc gia tham gia đàm phán và thực hiện FTA đều có những mục tiêu chính trị khác nhau, do đó họ có thể chú trọng vào các lợi ích kinh tế hơn là các vấn đề về quyền con người⁽¹³⁾.

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia các FTA thế hệ mới, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU - EVFTA. Do vậy, Việt Nam cần chú trọng phát huy những ưu điểm căn bản của cơ chế bảo đảm quyền con người trong các FTA thế hệ mới, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực của các FTA này đến việc bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay □

(1) “Human rights in EU trade agreements”, ([https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2019/637975/EPRS_BRI\(2019\)637975_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2019/637975/EPRS_BRI(2019)637975_EN.pdf)).

(2), (9) Ngô Quốc Chiến: *Các giá trị nhân quyền thông qua các hiệp định thương mại tự do và thách thức đối với Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 08(384)-2019, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210300>.

(3), (12) Jennifer Zerk (2019): *Human Rights Impact Assessment of Trade Agreements*, https://www.chathamhouse.org/sites/default/files/2019-2-18_HumanRightsTradeAgreements.pdf.

(4), (5) Giovanni Gruni (2017): “Labor Standards in the EU-South Korea Free Trade Agreement” (https://brill.com/view/journals/kjic/5/1/article-p100_6.xml?language=en).

(6) Isabelle Loannides, 2017, *The effects of human rights related clauses in the EU-Mexico Global Agreement and the EU-Chile Association Agreement*, https://eulacfoundation.org/en/system/files/the_effects_of_human_righth.pdf, p.34.

(7) “Human rights in EU trade agreements,” ([https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2019/637975/EPRS_BRI\(2019\)637975_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2019/637975/EPRS_BRI(2019)637975_EN.pdf)).

(8), (10) Nguyễn Tiến Vinh: *Bảo vệ quyền con người trong khuôn khổ các hiệp định thương mại của WTO* trong cuốn sách của Lê Thị Hoài Thu, Vũ Công Giao: *Ảnh hưởng thương mại tự do đến nhân quyền*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr.81, 79.

(11) Meredith Kolsky Lewis (2014): *Human Rights Provisions in Free Trade Agreements: Do the Ends Justify the Means?*, 12 Loy. U. Chi. Int’l L. Rev. 1 (2014), <http://lawcommons.luc.edu/lucilr/vol12/iss1/2>.

(13) Nguyễn Minh Tâm: *Về ảnh hưởng của các hiệp định thương mại tự do với quyền con người* trong cuốn sách của Lê Thị Hoài Thu, Vũ Công Giao: *Ảnh hưởng thương mại tự do đến nhân quyền*, Nxb Hồng Đức, tr.25.

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

★ ThS CAO PHAN GIANG

★ ThS VŨ THỊ HỒNG TRANG

Học viện Chính trị khu vực I

- **Tóm tắt:** Văn hóa chính trị có vai trò quan trọng đối với tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung và thể chế kiểm soát quyền lực chính trị nói riêng; tác động ở nhiều phương diện đối với việc kiểm soát quyền lực chính trị, từ xây dựng thể chế pháp lý đến việc thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị. Để nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị, phải nâng cao văn hóa chính trị của các nhà chính trị và người dân.
- **Từ khóa:** văn hóa chính trị, kiểm soát quyền lực chính trị.

Văn hóa chính trị là tập hợp các giá trị, thái độ, niềm tin được cộng đồng chia sẻ và nó có thể chi phối, định hướng hoạt động của các cá nhân và tổ chức khi các chủ thể này tham gia vào đời sống chính trị.

Kiểm soát quyền lực chính trị là việc sử dụng các công cụ, phương tiện, biện pháp để tác động vào chủ thể mang quyền lực nhằm hạn chế xu hướng tha hóa quyền lực.

Văn hóa chính trị có vai trò và tác động rất lớn đến việc kiểm soát quyền lực chính trị và việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị.

Để kiểm soát quyền lực chính trị phải xây dựng được các thể chế, thiết chế, cơ chế kiểm soát. Văn hóa chính trị tác động đến quá trình này, từ đó góp phần vào việc thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị. Các chủ thể của cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị là những tổ chức và cá nhân có thẩm quyền, nghĩa là theo quy

định của pháp luật, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm kiểm soát quyền lực chính trị. Đối tượng bị kiểm soát là các tổ chức và cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực chính trị, không trừ một ai, một cơ quan nào. Văn hóa chính trị tác động vào giá trị, hành vi chính trị của các chủ thể và đối tượng của cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị. Như vậy, sự tác động của văn hóa chính trị đến việc kiểm soát quyền lực chính trị là rất toàn diện.

1. Văn hóa chính trị tác động đến thể chế kiểm soát quyền lực chính trị

Để thực hiện hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị phải có một thể chế pháp lý về kiểm soát quyền lực chính trị. Thể chế pháp lý này được biểu hiện trong hệ thống các văn bản pháp luật, như Hiến pháp, Bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tư... liên

quan đến việc thực hiện quyền lực chính trị và kiểm soát việc thực hiện quyền lực chính trị. Đây chính là các chuẩn mực văn hóa chính trị, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng, định hướng và xử lý việc kiểm soát quyền lực chính trị.

Thể chế pháp lý để kiểm soát quyền lực chính trị là những chuẩn mực văn hóa chính trị chính thức có tính rộng rãi, tác động và điều chỉnh các chủ thể chính trị trong quá trình giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị. Thể chế pháp lý liên quan đến kiểm soát quyền lực chính trị là những quy định về nguyên tắc, chủ thể đối tượng, nội dung, hình thức quy trình, thủ tục các biện pháp hậu quả pháp lý của hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị. Các thiết chế kiểm soát quyền lực chính trị là hệ thống tổ chức thực thi hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị dựa trên thể chế liên quan đến kiểm soát quyền lực chính trị. Nếu các thể chế này không giao đủ quyền cho các thiết chế thực thi hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị hoặc các quy định về nội dung, hình thức, thủ tục thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị quá phức tạp thì sẽ khó thực hiện được. Nếu không quy định chặt chẽ về hậu quả pháp lý thì việc kiểm soát quyền lực chính trị cũng chỉ là hình thức, không có tác dụng ngăn ngừa những hành vi trái pháp luật, lạm quyền, lộng quyền trong sử dụng quyền lực chính trị. Đồng thời, thể chế pháp lý về kiểm soát quyền lực chính trị còn là những văn bản pháp luật liên quan đến việc thực hiện quyền lực chính trị. Nếu các quy định này chặt chẽ thì sẽ khó có kẻ hở để cho những cá nhân, tổ chức (các chủ thể chính trị) thực thi quyền lực chính trị lạm quyền, lộng quyền. Thí dụ như, quy định chặt chẽ về vấn đề nêu gương, chống chạy chức, chạy quyền, quản lý và sử dụng tài sản công, giao quyền gắn với trách nhiệm rõ ràng, minh bạch...

2. Văn hóa chính trị xác định mục tiêu của chế độ chính trị, là nền tảng trong kiểm soát quyền lực chính trị

Hoạt động quyền lực luôn gắn liền và điều chỉnh bởi mục tiêu chính trị. Thành tố quan trọng trong văn hóa chính trị xác định mục tiêu chính trị là hệ tư tưởng chính trị. Hệ tư tưởng chính trị chỉ ra mục tiêu, đường lối, chiến lược, sách lược, từ đó điều chỉnh hành vi của các chủ thể khi tham gia vào đời sống chính trị. Chỉ ra mục tiêu là cơ sở, căn cứ cho việc xác định mục đích, lợi ích đúng đắn của các chủ thể chính trị, làm cho quyền lực chính trị được thực thi đúng bản chất, hiệu quả và được tự kiểm soát.

Như tất cả các hoạt động khác của con người, hoạt động chính trị cũng là hoạt động có ý thức, hướng đích và được định hướng bởi mục tiêu. Đặc biệt, hoạt động chính trị là hoạt động liên quan đến quyền lực chính trị, ảnh hưởng đến sinh mệnh của số đông trong cộng đồng, vì vậy việc xác định mục tiêu, cũng như hoạt động đúng theo mục tiêu được xác định là điều vô cùng quan trọng, giúp cho hoạt động chính trị đúng mục đích, lý tưởng, quyền lực được thực thi một cách đúng đắn, hiệu quả trong sự kiểm soát. Chỉ khi có mục tiêu rõ ràng, đúng đắn mới có thể xác định được phương pháp hợp lý, cụ thể, trên cơ sở đó hình thành lý tưởng chính trị, bản lĩnh chính trị vững vàng, tạo thành sức mạnh giúp các chủ thể vượt qua những khó khăn, trở ngại, cám dỗ, đấu tranh với những điều sai trái, lệch hướng, xa rời mục tiêu, lý tưởng và lợi ích đúng đắn. Đó chính là cách thức kiểm soát quyền lực quan trọng và hiệu quả nhất.

Các chủ thể chính trị, chủ thể của quyền lực đồng thời cũng là các đối tượng cần kiểm soát quyền lực chính trị là các cá nhân, tổ chức trong quá trình chính trị, trước hết phải xác định đúng mục tiêu chính trị, hay nói cách khác, phải thấm



Các đại biểu Quốc hội nhàn nút biểu quyết thông qua Luật Đầu tư công (sıra đôi), ngày 13-9-2019

_ Anh: quochoi.vn

nhuần và kiên định hệ tư tưởng chính trị mà họ đang theo đuổi, từ đó hình thành động cơ chính trị trong sáng, khoa học, thì quá trình thực thi quyền lực chính trị sẽ đạt hiệu quả cao và trở thành quá trình tự kiểm soát quyền lực chính trị.

Chính mục tiêu chính trị đúng đắn và rõ ràng là cơ sở để hình thành các giá trị chính trị cụ thể, chuẩn mực chính trị, từ đó điều chỉnh hành vi chính trị kiểm soát quyền lực của các chủ thể.

Hoạt động chính trị bản chất là hoạt động gắn với lợi ích. Trên cơ sở hệ tư tưởng, mục tiêu chính trị, các chủ thể chính trị sẽ xác định được lợi ích đúng đắn, phù hợp, đấu tranh với những tư tưởng, lợi ích sai trái, đi ngược lại mục tiêu chính trị của mình. Ngược lại, nếu không xác định được mục tiêu chính trị và không kiên định mục tiêu chính trị sẽ dẫn đến chệch hướng, hoang mang, dao động, làm cho quá trình thực thi quyền lực không những kém hiệu quả, mà

còn dễ dẫn đến tình trạng tha hóa, biến chất, lạm quyền, lộng quyền, vì những mục tiêu, mục đích sai trái, mất kiểm soát.

Có thể nói, không xác định và không kiên định hệ tư tưởng chính trị, hoặc xa rời mục tiêu chính trị là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng mất kiểm soát quyền lực chính trị, là loại địch từ bên trong, không chỉ nguy hại với chính chủ thể chính trị đó, mà còn đe dọa đến sự an nguy của chế độ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”⁽¹⁾.

3. Văn hóa chính trị định hướng giá trị cho quá trình thực thi quyền lực chính trị, từ đó góp phần vào việc kiểm soát quyền lực chính trị

Văn hóa chính trị là những giá trị, lý tưởng cao đẹp mà con người hướng tới trong hoạt động chính trị. Các giá trị ấy định hướng quá trình

thực thi quyền lực của các chủ thể chính trị, bao gồm các cá nhân và tổ chức.

Giá trị văn hóa chính trị định hướng cho quá trình cầm quyền và kiểm soát quyền lực của Đảng.

Cơ chế kiểm soát quyền lực trong đảng, xét theo nghĩa rộng là việc thiết kế, tổ chức và thực thi quyền lực trong đảng sao cho đúng mục đích, hiệu quả nhất. Việc tổ chức và thực thi quyền lực trong đảng, cũng như cơ chế kiểm soát quyền lực, phải tuân theo các nguyên tắc nhất định: lý tưởng, mục tiêu bản chất của Đảng ta, nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lãnh đạo của Đảng là toàn diện, tuyệt đối, nguyên tắc công khai, minh bạch, nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp, pháp luật... Xét theo nghĩa hẹp, cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng là toàn bộ những cách thức, quy trình, quy định mà dựa vào đó Đảng (và xã hội) có thể can thiệp để giữ cho quyền lực trong Đảng được thực thi đúng mục đích, hiệu quả. Giá trị của văn hóa chính trị tham gia vào định hình và điều chỉnh các phương thức kiểm soát đó. Trong đó, giá trị cốt lõi, mục tiêu là căn cứ xuyên suốt để xây dựng và kiểm soát quyền lực của Đảng. Từ đó, các giá trị chính trị cụ thể, được cụ thể hóa thành các chuẩn mực sẽ điều chỉnh và là phương thức kiểm soát quyền lực với Đảng thông qua các chủ thể là đảng viên và tổ chức của Đảng.

Với tư cách là cơ quan cầm quyền, cơ quan lãnh đạo, có thể thấy mỗi đường lối, quyết sách của Đảng phải mang một giá trị văn hóa định hướng với toàn hệ thống chính trị và xã hội. Theo đó, tính giá trị của văn hóa chính trị được thấm đẫm trong đường lối, quyết sách và hoạt động của Đảng để ngang tầm với vị thế tiên phong lãnh đạo là một phương thức kiểm soát quyền lực tự thân của Đảng. Nếu các giá trị văn hóa không được xác lập và định hướng trong

hoạt động cầm quyền thì Đảng sẽ không thể thực hiện được vai trò lãnh đạo, dẫn dắt trong quá trình thực thi quyền lực.

Giá trị văn hóa chính trị định hướng, dẫn dắt quá trình thực thi quyền lực của Nhà nước.

Trong hệ thống chính trị, hoạt động của Nhà nước là trung tâm của hoạt động chính trị. Thực thi quyền lực nhà nước với 3 quyền cơ bản là lập pháp, hành pháp, tư pháp chính là những hoạt động chính trị cốt lõi. Sự tác động của văn hóa chính trị đến quá trình thực thi quyền lực nhà nước thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, văn hóa chính trị định hướng cho hoạt động lập pháp của Nhà nước phải vì lợi ích của nhân dân. Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập pháp của Nhà nước. Giá trị văn hóa chính trị định hướng cho quá trình xây dựng pháp luật, chính sách của Nhà nước ta như Đảng ta khẳng định đó là phải phục vụ lợi ích nhân dân "tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được Nhân dân tham gia ý kiến"⁽²⁾. Vai trò của văn hóa chính trị ở đây chính là những giá trị văn hóa chính trị phục vụ nhân dân, chi phối hoạt động chính trị (xây dựng pháp luật, chính sách của nhà nước) của các chủ thể soạn thảo và thông qua pháp luật sẽ tạo ra cơ chế ngăn ngừa từ bên trong đối với những hoạt động tha hóa, những lạm trong quá trình này, bảo đảm pháp luật phản ánh ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân.

Thứ hai, văn hóa chính trị định hướng cho hoạt động hành pháp của Nhà nước phục vụ lợi ích của nhân dân. Quyền hành pháp là quyền thực thi pháp luật và tổ chức đời sống theo pháp luật, bao gồm quyền lập quy và quyền hành

chính. Trên thực tế, quyền hành pháp quản lý nguồn lực quốc gia, ngân sách, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, cung cấp dịch vụ công... Tuy nhiên, quyền này cũng đang chứa đựng những nguy cơ có thể bị những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực thi quyền hành pháp lợi dụng để phục vụ lợi ích cá nhân mà xâm phạm đến lợi ích của nhân dân. Quyền lập quy là quyền ban hành các văn bản dưới luật để đưa các đạo luật vào cuộc sống. Thực tiễn những năm gần đây cho thấy, “khoảng 12% số văn bản được kiểm tra do cơ quan chức năng ban hành đã bị phát hiện có dấu hiệu trái luật”⁽³⁾. Quyền hành pháp còn là quyền tổ chức, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội, cung cấp các dịch vụ hành chính công thiết yếu cho người dân. Do đó, quyền hành chính tác động rất lớn đến cuộc sống và các hoạt động kinh tế, xã hội của người dân. Do đó, các chủ thể thực thi quyền hành chính này có thể gây khó dễ, chậm trễ trong việc cung cấp các dịch vụ công ảnh hưởng đến cuộc sống và các hoạt động của người dân sẽ khiến một số công dân chấp nhận bỏ thêm “chi phí” để có được sự nhanh chóng, thuận tiện, từ đó quyền hành chính không hướng tới phục vụ nhân dân mà mang lại lợi ích cho người thực thi quyền lực. Tuy nhiên, khi các hoạt động hành pháp này được sự định hướng của các giá trị văn hóa chính trị sẽ ngăn chặn được các hoạt động lợi dụng quyền hành pháp để mưu lợi riêng bảo đảm cho hoạt động hành pháp hướng tới phục vụ nhân dân. Ở Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã và đang thể hiện quyết tâm chính trị cao độ, hướng tới xây dựng một chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, vì nhân dân phục vụ⁽⁴⁾. Thời gian qua, Nhà nước ta đang đẩy mạnh cải cách hành chính để xây dựng một nền hành chính phục vụ nhân dân tốt hơn như đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo thuận

tiện cho người dân; cán bộ, công chức có thái độ phục vụ nhân dân, không sách nhiễu nhân dân trong quá trình thực thi công vụ. Như vậy, giá trị chi phối, định hướng cho hoạt động hành pháp ở nước ta cũng chính là phục vụ lợi ích của nhân dân. Khi các giá trị văn hóa chính trị này chi phối suy nghĩ và hành động của các chủ thể thực thi quyền hành pháp sẽ bảo đảm cho quyền hành pháp được thực thi đúng mục đích, đó là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên trong.

Thứ ba, văn hóa chính trị định hướng cho hoạt động tư pháp của Nhà nước phục vụ lợi ích của nhân dân. Theo Hiến pháp Việt Nam năm 2013, tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, thực hiện chức năng xét xử; là cơ quan duy nhất có quyền ra phán quyết về các vi phạm pháp luật, các tranh chấp theo quy định của pháp luật và về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Như vậy, quyền tư pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, tránh sự xâm phạm từ các cá nhân, tổ chức khác, kể cả sự xâm phạm từ cán bộ và cơ quan nhà nước. Giá trị văn hóa chính trị định hướng cho việc thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước ta được khẳng định trong Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Khi những giá trị văn hóa chính trị đó thấm sâu vào các chủ thể thực hiện quyền tư pháp sẽ làm cho quyền tư pháp thực hiện đúng mục đích, phục vụ lợi ích của nhân dân, của đất nước, bảo vệ pháp luật (ý chí, nguyện vọng của nhân dân). Như vậy, các giá trị

văn hóa chính trị định hướng cho hoạt động thực hiện quyền tư pháp theo đúng mục đích đặt ra, điều này cũng là mục tiêu của công tác kiểm soát quyền tư pháp.

Các giá trị văn hóa chính trị cũng góp phần định hướng hoạt động thực thi quyền lực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc động viên, tập hợp các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước. Các giá trị văn hóa chính trị góp phần phát huy truyền thống lịch sử của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong quá trình thực thi quyền lực, cũng như giúp cho các tổ chức này xác định vị trí, mục tiêu chính trị, kiểm soát hoạt động và đẩy mạnh sức mạnh của mình, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động, cũng như khả năng kiểm soát quyền lực chính trị.

4. Văn hóa chính trị tác động đến năng lực, ý thức của chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị và đối tượng kiểm soát quyền lực chính trị

Thể chế pháp lý về kiểm soát quyền lực chính trị có hoàn thiện đến đâu nhưng chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị không có văn hóa chính trị, không có đủ năng lực và tính tích cực trong thực hiện quyền kiểm soát quyền lực đã được pháp luật quy định thì hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị trên thực tế sẽ không diễn ra hoặc diễn ra không hiệu quả. Do đó, văn hóa chính trị của các chủ thể tham gia kiểm soát

quyền lực chính trị tác động rất lớn, thậm chí quyết định đến hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị. Đồng thời, văn hóa chính trị của đối tượng kiểm soát quyền lực chính trị (cá nhân, tổ chức thực thi quyền lực chính trị) cũng ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị.

Chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị bên trong hệ thống chính trị như Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực bên ngoài bao gồm: các cơ quan bên ngoài (ví dụ: Nhà nước chịu sự kiểm soát của Đảng, giám sát của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội), những người công tác chuyên trách và hội viên của Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, thành viên tham gia các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, thanh tra nhân dân, phương tiện truyền thông, cơ quan báo chí và những người dân cụ thể. Văn hóa chính trị trang bị những tri thức, năng lực cần thiết cho hoạt động chính trị, giúp các chủ thể hiểu biết về phương thức tổ chức và vận hành của quyền lực chính trị, qua đó mỗi cá nhân ý thức rõ hơn vai trò cũng như nghĩa vụ và bổn phận của mình trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị, giúp họ nhận thức rõ trách nhiệm tham gia kiểm soát quyền lực chính trị của mình cũng như biết rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm soát quyền lực để họ tham gia kiểm soát quyền lực chính trị đúng luật định. Văn hóa chính trị của các chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị bao gồm tri thức chính trị, kinh nghiệm chính trị, năng lực hoạt động chính trị giúp các chủ thể này có năng lực để thực hiện các hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị có hiệu quả. Chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị phải có tri thức, hiểu biết chính trị để

phân tích, đánh giá mới lựa chọn được người có đủ năng lực, phẩm chất để họ “chọn mặt gửi vàng”. Chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị phải có tri thức, kinh nghiệm chính trị mới phát hiện ra những quy định pháp luật bất hợp lý là sự cài cắm lợi ích của những người soạn thảo luật hoặc những quy định pháp luật sẽ cản trở việc bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân để có những đóng góp loại bỏ các quy định đó cũng như có khả năng đề xuất các quy định pháp luật hợp lý hơn.

Các chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực chính trị phải có tri thức, kinh nghiệm chính trị để phát hiện ra những hoạt động trái pháp luật trong thực thi quyền lực chính trị để có cảnh báo, đưa ra những hậu quả pháp lý để ngăn chặn những hành vi đó. Do đó, nếu không có văn hóa chính trị thì các chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực không biết quyền và cách thức tham gia kiểm soát quyền lực chính trị, hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị của họ có diễn ra cũng không hiệu quả.

Hơn nữa, nếu các chủ thể thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị không có lý tưởng chính trị là xây dựng một chế độ phục vụ lợi ích nhân dân định hướng cho hoạt động của họ, thậm chí họ còn muốn lợi dụng hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị để tranh giành địa vị, đưa ra những ý kiến thiếu tính xây dựng, làm cho hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị không đúng mục đích là để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quyền lực chính trị. Nếu không có văn hóa chính trị, thậm chí các chủ thể sẽ không thực hiện quyền kiểm soát quyền lực chính trị của mình đã được pháp luật trao cho. Văn hóa chính trị còn là tình cảm, niềm tin, lý tưởng chính trị quyết định đến ý thức, thái độ, tính tích cực chính trị của các chủ thể thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị. Nếu các chủ thể này có văn

hóa chính trị cao, có mong muốn, quyết tâm xây dựng một chế độ chính trị của dân, do dân, vì dân, có tinh thần vì lợi ích chung họ sẽ tích cực tham gia vào các hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị để thực hiện các giá trị, lý tưởng chính trị đó.

Như vậy, sự tác động của văn hóa chính trị đến hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị là rất lớn, từ xây dựng thể chế pháp lý đến tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị. Văn hóa chính trị không chỉ tác động đến hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị từ bên ngoài mà còn tác động đến cơ chế tự kiểm soát (kiểm soát từ bên trong) quyền lực chính trị của các chủ thể thực thi quyền lực chính trị. Văn hóa chính trị tồn tại trong từng chủ thể chính trị cụ thể, trong thể chế pháp lý về kiểm soát quyền lực chính trị, tác động đến tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị. Từ sự tác động mạnh mẽ của văn hóa chính trị đối với hoạt động kiểm soát quyền lực chính trị chúng ta thấy để nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị cần chú ý nâng cao văn hóa chính trị của các đối tượng này (văn hóa chính trị của các nhà chính trị và của người dân) □

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.278.

(2) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.169.

(3) Nguyễn Bá Chiến, Bùi Huy Tùng: *Bàn về kiểm soát quyền lực nhà nước với việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992*, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 8 năm 2012

(4) Nguyễn Thị Phương: *Chính phủ liêm chính và kiến tạo từ lý thuyết tới thực tiễn*, <http://noichinh.vn>, ngày 1-2-2017.